

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH1TV CBTA TS Cửu Long AG (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
- Tổng số các công ty con** : 1
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ việc đánh giá lại các tài sản dài hạn.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được dùng để chi trả trợ cấp thất nghiệp. Mức trích quỹ bảo hiểm thất nghiệp là 1% quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang áp dụng thuế suất 20%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Ngoài ra Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang còn được hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: được giảm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư lần đầu số 52121000096 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 11 năm 2007 và thay đổi lần 01 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang ngày 21 tháng 02 năm 2008, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 12 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
Ngày 30/09/2009 : 16.991 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	604.133.700	431.125.350
Tiền gửi ngân hàng	4.793.137.262	18.377.236.799
Cộng	5.397.270.962	18.808.362.149

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	169.147.183.772	131.446.509.909
Tại Cty TNHH1TV CBTATS Cửu Long AG	-	-
Cộng	169.147.183.772	131.446.509.909

3. Trả trước người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	26.922.786.727	50.739.734.664
Tại Cty TNHH MTV CBTATS Cửu Long AG	10.128.466.190	18.555.057.190
Cộng	37.051.252.917	69.294.791.854

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	370.923.785	519.820.000
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	29.833.333	928.107.666
Các khoản phải thu khác	-	-
Cộng	400.757.118	1.447.927.666

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	261.162.500	
Nguyên liệu, vật liệu	134.317.356	925.334.964
Công cụ, dụng cụ	3.845.845.030	2.876.875.325
Thành phẩm	80.314.551.911	54.190.112.920
Hàng gửi đi bán	333.045.657	4.039.457.134
Cộng	84.888.922.454	62.031.780.343

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	230.856.069
Tăng trong kỳ	2.032.939.542
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.027.500.334)
Số cuối quý	1.236.295.277

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	235.929.442	184.722.937
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.978.601.800	-
Cộng	34.214.531.242	184.722.937

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.032.627.983	31.492.383.599	2.586.235.971	951.778.816	54.063.026.369
Mua trong năm	-	-	15.745.455	14.727.273	30.472.728
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.727.273)	(12.727.273)
Số cuối quý	19.032.627.983	31.492.383.599	2.601.981.426	953.778.816	54.080.771.824

Giá trị hao mòn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	2.995.796.450	9.164.401.673	421.199.030	382.705.054	12.964.102.207
Khấu hao trong quý	811.888.596	2.593.632.222	199.055.020	101.749.297	3.706.325.135
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.727.273)	(12.727.273)
Số cuối quý	3.807.685.046	11.758.033.895	620.254.050	471.727.078	16.657.700.069
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.036.831.533	22.327.981.926	2.165.036.941	569.073.762	41.098.924.162
Số cuối quý	15.224.942.937	19.734.349.704	1.981.727.376	482.051.738	37.423.071.755

Toàn bộ tài sản cố định đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong quý	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ	25.072.739.867	16.008.027.093	41.080.766.960
XDCB dở dang	27.972.766.556	30.235.691.107	58.208.457.663
Sửa chữa lớn TSCĐ	59.235.728	930.909	60.166.637
Cộng	53.104.742.151	46.244.649.109	99.349.391.260

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	-
Tăng trong quý	547.444.340
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý	(98.068.822)
Số cuối quý	449.375.518

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	268.395.071
Phát sinh trong kỳ	1.332.802.931
Số cuối quý	1.601.198.002

14. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ tại Ngân hàng Phát triển An Giang	8.400.000.000	8.400.000.000
Ký quỹ, ký cược khác	186.901.000	169.939.770
Cộng	8.586.901.000	8.569.939.770

Khoản ký quỹ 8.400.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang.

15. Vay và nợ ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	228.439.050.433	151.527.993.060
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang (a)</i>	79.941.572.555	48.350.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (b)</i>	72.313.624.378	45.677.993.060
<i>Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang (c)</i>	39.760.000.000	57.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCPXNK VN - EXIMBANK AG (d)</i>	36.423.853.500	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	3.913.239.386	5.604.000.000
Cộng	232.352.289.819	157.131.993.060

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là máy móc thiết bị.
- (c) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ theo qui định của nhà nước về lãi suất tín dụng, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương Mại CP XNK Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong quý</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	151.527.993.060	688.892.800.387	-	(611.981.743.014)	228.439.050.433
Vay dài hạn đến hạn trả	5.604.000.000	-	5.024.475.635	(6.715.236.249)	3.913.239.386
Cộng	157.131.993.060	688.892.800.387	5.024.475.635	(618.696.979.263)	232.352.289.819

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	28.917.038.910	21.464.040.159
Tại Cty TNHH MTV CBTATS Cửu Long AG	-	445.336.000
Cộng	28.917.038.910	21.909.376.159

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	2.742.279.436	78.171.445
Tại Cty TNHH MTV CBTATS Cửu Long AG	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng		2.742.279.436	78.171.445
------	--	---------------	------------

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp trong quý	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	225.290.634	(225.290.634)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.354.681.750	4.387.783.477	(1.354.681.750)	4.387.783.477
Thuế thu nhập cá nhân	13.918.831	41.927.318	(45.526.836)	10.319.313
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	1.368.600.581	4.782.635.775	(1.628.499.220)	4.398.102.790

19. Phải trả người lao động			
Lương phải trả cho nhân viên.			

20. Chi phí phải trả			
	Số cuối quý	Số đầu năm	
Chi phí hoa hồng	1.723.943.826	1.964.024.264	
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	254.074.083	267.108.177	
Trích trước phí lãi vay	163.798.770	192.279.972	
Chi phí vi sinh	194.370.286	119.656.000	
Chi phí điện thoại	19.226.811	10.000.000	
Chi phí khác	52.378.038	-	
Cộng	2.407.791.814	2.553.068.413	

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
	Số cuối quý	Số đầu năm	
Bảo hiểm y tế	-	12.451.080	
Bảo hiểm xã hội	118.259.004	81.736.040	
Kinh phí công đoàn	93.547.960	49.818.768	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.595.000	296.051.721	
Cộng	226.401.964	440.057.609	

22. Vay và nợ dài hạn			
	Số cuối quý	Số đầu năm	
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang ^(a)	2.412.034.288	2.412.034.288	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	44.975.887.290	37.342.955.633	
Cộng	47.387.921.578	39.754.989.921	

- (a) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang với lãi suất 5,4%/năm, để đầu tư dự án nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi trị giá 8.400.000.000 VND và tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 18%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	39.754.989.921
Số tiền vay phát sinh trong quý	16.844.654.017
Số kết chuyển	(5.024.475.635)
Số tiền vay đã trả trong quý	(4.187.246.725)
Số cuối quý	47.387.921.578

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	262.138.403
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	45.226.042
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(307.364.445)
Số cuối quý	-

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	275.630.400
Chi trong quý	(24.164.775)
Số cuối quý	251.465.625

25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trần Văn Nhân	11.110.000.000	11.110.000.000
Trần Thị Vân Loan	6.690.000.000	6.690.000.000
Trần Tuấn Khanh	4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ đông khác	67.700.000.000	67.700.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khác được dùng chi thường cho Ban điều hành.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Quỹ khen thưởng	3.475.485.554	(247.967.280)	3.227.518.274
Quỹ phúc lợi	961.706.563	(93.199.000)	868.507.563
Cộng	4.437.192.117	(341.166.280)	4.096.025.837

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	176.440.845.957	190.020.744.059
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	159.260.064.223	173.697.123.039
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	17.180.781.734	16.306.901.020
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	-	16.720.000
Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.875.371.683)	(59.149.125)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.875.371.683)	(59.149.125)
Doanh thu thuần	174.565.474.274	189.961.594.934
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	157.384.692.540	173.637.973.914
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	17.180.781.734	16.306.901.020
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>		16.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong quý là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	142.491.217.429	139.266.074.428
Chi phí nhân công trực tiếp	10.689.303.200	10.195.903.150
Chi phí sản xuất chung	5.718.859.944	4.042.486.999
Tổng chi phí sản xuất	158.899.380.573	153.504.464.577
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	158.899.380.573	153.504.464.577
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(33.247.427.554)	(13.776.024.292)
Chênh lệch hàng gửi đi bán	7.434.110.417	8.487.965.093
Mua ngoài	9.723.464.624	-
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	142.809.528.060	150.614.726.433

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	232.500.600	63.148.972
Lãi cho vay	322.426.241	2.141.132.271
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.361.658.926	1.651.081.863
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Thu khác	-	-
Cộng	4.916.585.767	3.855.363.106

4. Chi phí tài chính

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.732.317.140	6.597.883.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	118.504.541	482.032.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.441.675.284	148.680.208
Cộng	8.292.496.965	7.228.596.067

5. Chi phí bán hàng

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	536.392.048	550.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.651.937.253	10.792.716.333
Chi phí khác	-	444.000
Cộng	10.188.329.301	11.343.160.333

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.581.458.561	2.019.917.312
Chi phí vật liệu quản lý	15.512.758	7.271.354

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí công cụ văn phòng	54.389.276	112.136.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.725.572	111.425.721
Chi phí dự phòng	0	37.287.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.111.937.288	782.455.131
Chi phí khác	383.315.670	258.201.033
Cộng	5.261.339.125	3.328.694.339

7. Chi phí khác

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Vi phạm hợp đồng	-	-
Chi phí khác	79.706.445	14.664.000
Cộng	79.706.445	14.664.000

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.705.384.431	19.076.312.696
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.705.384.431	19.076.312.696
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.250.000	2.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.202	8.478

An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2009

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc